

UBND TỈNH BẮC KẠN  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HD-LĐT BXH

Bắc Kạn, ngày tháng 8 năm 2021

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 536/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh về Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy trình Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, như sau:

#### **I. RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO TIẾP CẬN ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Tiêu chí:** Thực hiện theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020.

**2. Đối tượng, phạm vi:** Toàn bộ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

**3. Quy trình rà soát:** Thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1905/LĐT BXH-BTXH&PCTNXH ngày 22/9/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020.

#### **II. RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025**

**1. Tiêu chí:** Quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025:

##### **1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025**

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

## ***1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025***

### **a) Chuẩn hộ nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

### **b) Chuẩn hộ cận nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

**2. Đối tượng, phạm vi:** Toàn bộ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

## **3. Quy trình, phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo kết quả rà soát**

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

### **Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, bản, tổ dân phố (viết tắt là thôn) và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (theo Phụ lục I), gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Mẫu số 01), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn khai thác thông tin hộ gia đình (theo Phụ lục II, Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình. Những hộ gia đình có dưới 4 chỉ tiêu trong phiếu A (đánh mã 1 ở cột E phiếu A) đưa vào danh sách cần rà soát.

Như vậy, danh sách hộ cần rà soát (theo Phụ lục I), bao gồm: Các hộ nghèo, hộ cận nghèo đang quản lý và các hộ đánh mã 1 cột E phiếu A.

#### **Lưu ý:**

- Trên địa bàn cán bộ rà soát nhận diện những hộ gia đình có một trong các điều kiện sau đây không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Hộ có mức sống khá hoặc có nhà ở cấp 1, cấp 2;

+ Hộ sở hữu doanh nghiệp, xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuê mướn từ 03 lao động trở lên;

+ Hộ kinh doanh có đăng ký và nộp thuế từ 100 triệu đồng trở lên;

+ Hộ gia đình sở hữu trang trại hoặc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi khác có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên;

+ Hộ có một trong các loại tài sản sử dụng trong sản xuất kinh doanh như: ô tô, máy xúc, máy xay sát, máy tuốt lúa, máy cấy, máy gặt, máy cày, máy công nông, lồng cá và các tài sản khác từ 200 triệu đồng trở lên.

- Trong trường hợp hộ gia đình có từ 4 chỉ tiêu trở lên trong phiếu A (theo hướng dẫn là hộ không cần rà soát) nhưng cán bộ rà soát nhận diện có khả năng nghèo, cận nghèo theo chuẩn mới có thể linh hoạt đưa vào danh sách cần rà soát (Ghi chú vào danh sách là hộ có khả năng nghèo, cận nghèo).

### **Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình**

\* Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình (theo Phụ lục III, phiếu B, Mẫu số 3.1. Phiếu B1- Thông tin chung về hộ gia đình) những hộ trong danh sách hộ cần rà soát đã xác định ở Bước 1 nêu trên. Sau đó sử dụng Mẫu số 3.2. Phiếu B2- Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu

nhu cầu xã hội cơ bản; Mẫu số 3.4. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị; Mẫu số 3.6. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn để chấm điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo và hộ cận nghèo, như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000đồng/người/tháng (*sử dụng Mẫu số 3.6. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn để chấm điểm*);

+ Ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000đồng/người/tháng (*sử dụng phiếu Mẫu số 3.4. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị để chấm điểm*).

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (*sử dụng Mẫu số 3.2. Phiếu B2- Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản để chấm điểm*).

\* Căn cứ kết quả chấm điểm B1, B2 nêu trên, tiến hành phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Hộ nghèo: Hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: Hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm ở khu vực thành thị.

Chú ý: Các phiếu rà soát thu thập thông tin hộ gia đình và bảng chấm điểm đều phải điền đầy đủ các thông tin, có đầy đủ các chữ ký theo quy định.

\* Sau đó điền kết quả phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo vào danh sách (theo Phụ lục I) đã lập ở Bước 1.

### **Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ

thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo Hướng dẫn này.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (theo Phụ lục V), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

#### **Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai**

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát của Hướng dẫn này trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) theo Phụ lục VI, Mẫu số 6.1, 6.2, 6.3, 6.4.

#### **Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

#### **Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (theo Mẫu số 02) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Mẫu số 03).

### **Bước 7. Công tác báo cáo**

- UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn sau khi Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn.

- UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

*(Mẫu báo cáo theo Phụ lục VII, từ Mẫu số 7.1 đến 7.11)*

## **III. XÁC ĐỊNH HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH**

### **1. Chuẩn hộ có mức sống trung bình**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**2. Đối tượng:** Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**3. Phạm vi:** Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp (gọi tắt là hộ gia đình) có nhu cầu tham gia BHYT mà chưa thực hiện BHYT theo các chế độ, chính sách khác. Không áp dụng thực hiện đối với hộ gia đình thuộc vùng III quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hộ gia đình thuộc các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2015.

### **4. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình**

Bước 1. Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức

sống trung bình (theo Mẫu số 01), nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

*(Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú : Hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là hộ gia đình) là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú)*

Bước 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo phức lục VIII.

Bước 3. Sau khi tổ chức họp dân tại bước 3 nêu trên, niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại).

Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Phụ lục VI, Mẫu số 6.5.

Bước 4. Quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (theo Mẫu số 02) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **IV. THỜI GIAN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ**

**1. Thời gian thực hiện:** Từ 01/9/2021 đến hết ngày 14/12/2021.

**2. Báo cáo kết quả thực hiện:**

- Thời gian báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Kế hoạch 536/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Mẫu biểu báo cáo: Báo cáo kết quả sơ bộ và chính thức thực hiện theo Phụ lục 4a, 4b, 4c, 4d, 4đ, 4e, 4g và phụ lục VII, từ Mẫu số 7.1 đến 7.11.

Trên đây là hướng dẫn Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 của Sở Lao động –Thương binh và xã hội, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng

mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Lao động –Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn thêm./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành có thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng Lao động-TB&XH các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BTEXH&GN.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Dương Bằng Giang**